

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 216/2025/HC-PT

Ngày: 23 - 04 - 2025

V/v: “ Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tôn

Các thẩm phán: Bà Võ Thị Ngọc Dung

Ông Phạm Văn Hợp

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Tiến Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Phước Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 03/2025/TLPT-HC ngày 13/01/2025 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 63/2024/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1006/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 04 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: bà Trần Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Số A L, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện: ông Trần Trung H - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố T (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Phạm Thế M - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T (vắng mặt).

+ Ông **Nguyễn Viết Đ** - Phó Chủ tịch **UBND phường H, thành phố T** (vắng mặt).

+ Bà **Nguyễn Thị Hồng N** - Chuyên viên **phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T** (vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân **phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Viết Đ** - Phó Chủ tịch **UBND phường H, thành phố T** (vắng mặt).

2. Ông **Lê Thế Anh H1**, sinh năm 1970; địa chỉ: **Số A L, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà, người khởi kiện bà **Trần Thị T** trình bày:

Hộ gia đình bà **Trần Thị T**, ông **Lê Thế Anh H1** được Ủy ban nhân dân (UBND) **thành phố T** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 214, tờ bản đồ số 97, diện tích 460,5m² trong đó có 200m² đất ở đô thị và 260,5m² đất trồng cây lâu năm vào ngày 22/6/2009. Tháng 8/2022, khi gia đình bà **T**, ông **H1** dựng chái tôn trên đất thì **UBND phường H** đến lập biên bản, cho rằng bà lấn chiếm đất do Nhà nước quản lý. Ngày 02/3/2023, Chủ tịch **UBND thành phố T** ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 750/QĐ-XPHC, xử phạt đối với bà **Trần Thị T** về hành vi chiếm đất nông nghiệp tại khu vực đô thị với số tiền 8.000.000 đồng.

Bà **Trần Thị T** nhận thấy việc xử phạt của Chủ tịch **UBND thành phố T** là không đúng, vì phần đất này là đất ao cá của Hội người cao tuổi, ông **Đỗ Minh H2** đã mua lại và nhượng cho ông **Lê Thế A H2** một nửa. Hộ bà **T**, ông **H2** đã sử dụng phần đất này từ năm 2006, ông bà đã xây tường rào và sử dụng ổn định, liên tục cho đến nay.

Ngày 27/7/2023, Chủ tịch **UBND thành phố T** ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà **Trần Thị T**.

Không đồng ý với hai Quyết định nêu trên, bà **Trần Thị T** khởi kiện, yêu cầu Toà án:

- Huỷ Quyết định số 750/QĐ-XPHC ngày 02/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân **thành phố T** về xử phạt vi phạm hành chính.

- Huỷ quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 3471/QĐ-CCXP ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân **thành phố T**.

* Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án của Chủ tịch **UBND thành phố T**, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân **thành phố T** trình bày:

Năm 2022, ông **Lê Thế Anh H1** (chồng bà **Trần Thị T**) gửi đơn kiến nghị xem xét một số nội dung liên quan đến thửa đất số 226, tờ bản đồ số 32, **khối phố M, phường H, thành phố T**. Qua kiểm tra, **UBND thành phố T** đã chỉ đạo các ngành chuyên môn phối hợp cùng địa phương làm việc với một số người dân liên quan để xác minh thông tin và yêu cầu các hộ (trong đó có ông **Lê Thế Anh H1**) cung cấp giấy tờ chứng minh nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất như các hộ trình bày nhưng các hộ không cung cấp được. **UBND phường H, thành phố T** đã trả lời ông **Lê Thế Anh H1** tại Công văn số 215/UBND-VP ngày 19/9/2022 khẳng định thửa đất số 226, tờ bản đồ số 32, **phường H** là đất công do nhà nước quản lý, các hộ tạm sử dụng không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 21/2/2023, **UBND phường H, thành phố T** phát hiện bà **Trần Thị T** (trú tại **phường A, thành phố T**) đang tiến hành thi công công trình trên diện tích đất thuộc thửa 226, tờ bản đồ số 32, **phường H**, loại đất cây lâu năm (CLN) do nhà nước quản lý, **UBND phường** đã lập biên bản ghi nhận vụ việc.

Ngày 21/02/2023, **UBND phường H** đã lập biên bản vi phạm hành chính hành vi chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực đô thị đối với bà **Trần Thị T**.

Ngày 02/3/2023, **UBND thành phố T** đã ban hành Quyết định số 750/QĐ-XPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà **Trần Thị T**.

Như vậy, trên cơ sở hồ sơ do **UBND phường H** xác lập, **UBND thành phố T** ban hành Quyết định số 750/QĐ-XPHC ngày 02/3/2023 về xử phạt vi phạm hành chính là đảm bảo quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

* Người đại diện theo ủy quyền của **UBND phường H, thành phố T** trình bày: Thống nhất theo ý kiến trình bày của **UBND thành phố T**, tỉnh Quảng Nam.

* Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lê Thế Anh H1** trình bày: Ông thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị T**, đề nghị Tòa án xem xét lại nguồn gốc đất, đất của cha ông, hiện trạng đất có nhà, có cây cối của gia đình ông trên đó. Ông không thống nhất đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch **UBND thành phố T**, tỉnh Quảng Nam, cho rằng vợ chồng ông có hành vi lấn chiếm đất nông nghiệp. Đề nghị Tòa án huỷ các quyết định hành chính theo như đề nghị của bà **Trần Thị T**.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án.

Tại bản án hành chính sơ thẩm 63/2024/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 và 2 Điều 3; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 5, Điều 2, Điều 6, Điều 28, Điều

29 khoản 2 Điều 38, Điều 58, Điều 67, Điều 68, Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2022); điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị T** về việc:

- Hủy Quyết định số 750/QĐ-XPHC ngày 02/3/2023 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố T** về xử phạt vi phạm hành chính.

- Hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 3471/QĐ-CCXP ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố T**.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 16/06/2024, bà **Trần Thị T** có đơn kháng cáo, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 63/2024/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bà **T** giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo giữ nguyên quyết định án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hình thức, trình tự, thủ tục và thẩm quyền cũng như thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 750/QĐ-XPHC ngày 02/3/2023 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố T** về xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 3471/QĐ-CCXP ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố T** là đúng thẩm quyền Theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.2] Quyết định số 750/QĐ-XPHC ngày 02/3/2023 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố T**, tỉnh Quảng Nam đúng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2022).

[2] Xét kháng cáo thì thấy Năm 2022, ông **Lê Thế Anh H1** có đơn kiến nghị **UBND thành phố T** xem xét công nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông; tuy nhiên, tại Công văn số 215/UBND-VP ngày 19/9/2022 của **UBND phường H**

kháng định, thửa đất số 226, tờ bản đồ số 32 (một phần ao nuôi cá của Hội người cao tuổi) tại phường H là đất công do Nhà nước quản lý; các hộ ông Lê Thế Anh H1, Phan Thanh T1 và Nguyễn Thị Diệu H3 không cung cấp được các loại giấy tờ về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất nên không đủ điều kiện để công nhận quyền sử dụng đất và các hộ tạm sử dụng đất. Công văn này của UBND phường H không bị khiếu nại, khiếu kiện.

Như vậy, Thửa đất số 226, tờ bản đồ số 32, phường H là đất công do nhà nước quản lý, các hộ tạm sử dụng không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất. Theo hồ sơ 60/CP, thửa đất số 226, tờ bản đồ số 32 thuộc một phần thửa đất số 214, tờ bản đồ số 97, diện tích 578,3m², loại đất Hoang (Hg) do UBND phường H kê khai tại Sổ Mục kê phê duyệt năm 2005 (BL 37, 70, 71); do Chi Hội người cao tuổi quản lý. Sau khi thành lập phường H vào năm 2005 Chi Hội người cao tuổi không còn quản lý thì ông Lê Thế A H1 có nhà và đất liền kề vị trí thửa đất 214, tờ bản đồ số 97 lần chiếm sử dụng.

Đến thời điểm lập Biên bản vi phạm hành chính ngày 21/02/2023, hộ bà Trần Thị T, ông Lê Thế Anh H1 chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này.

Do vậy Ngày 21/02/2023, UBND phường H, thành phố T tiến hành lập biên bản kiểm tra thực tế hiện trường, ghi nhận bà Trần Thị T có hành vi chiếm đất do Nhà nước quản lý (BL 27) xây dựng 02 chái tôn sườn sắt, làm tường rào bằng gạch men, sườn sắt, tổng diện tích xây dựng là 97,65m², vị trí tại thửa đất số 226, tờ bản đồ số 32 (hồ sơ cơ sở dữ liệu), diện tích đất lần chiếm tại thửa 226, tờ bản đồ số 32 là 270,7m². Trên cơ sở đó, UBND phường H lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai số 01/BB-VPHC đối với bà Trần Thị T vào cùng ngày về hành vi chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực đô thị theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (BL 28-31).

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai số 01/BB-VPHC ngày 21/02/2023 của UBND phường H, ngày 02/3/2023, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 750/QĐ-XPHC đối với bà Trần Thị T về hành vi: Chiếm đất nông nghiệp tại khu vực đô thị theo quy định tại điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, với mức phạt tiền là 8.000.000 đồng và biện pháp khắc phục hậu quả là buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm.

[3] Như vậy, bà Trần Thị T xây dựng công trình khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép nên Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 750/QĐ-XPHC ngày 02/3/2023 đối với bà Trần Thị T về hành vi Chiếm đất nông nghiệp tại khu vực đô thị theo quy định tại điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính

phủ là đúng quy định pháp luật. Yêu cầu của bà **Trần Thị T** về việc huỷ Quyết định số 750/QĐ-XPHC ngày 02/3/2023 của Chủ tịch **UBND thành phố T** là không có căn cứ, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận.

Do bà **Trần Thị T** không tự nguyện thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 750/QĐ-XPHC ngày 02/3/2023 của Chủ tịch **UBND thành phố T** nên Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố T** ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 3471/QĐ-CCXP ngày 27 tháng 7 năm 2023 là đúng quy định.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của bà **Trần Thị T** về việc huỷ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 750/QĐ-XPHC ngày 02/3/2023 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 3471/QĐ-CCXP ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố T** là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà **T** phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính;

Căn cứ khoản 1 và 2 Điều 3; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 5, Điều 2, Điều 6, Điều 28, Điều 29 khoản 2 Điều 38, Điều 58, Điều 67, Điều 68, Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2022); điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bác toàn bộ kháng cáo của bà **Trần Thị T**, giữ nguyên Quyết định sơ thẩm số 63/2024/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị T** về việc:

- Huỷ Quyết định số 750/QĐ-XPHC ngày 02/3/2023 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố T** về xử phạt vi phạm hành chính.

- Huỷ Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 3471/QĐ-CCXP ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố T**.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà **Trần Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000154 ngày 08 tháng 7 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam. Bà **Trần Thị T** đã nộp đủ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Tồn